

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Giấy CN ĐKKD số : 0100244112, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18 tháng 10 năm 2018.

Trụ sở: Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

THỜI GIAN: Từ 9h00 đến 13h00 ngày 26/06/2019

ĐỊA ĐIỂM: Phòng Hội Thảo Tầng 17, Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

I – TÍNH HỢP LỆ CỦA PHIÊN HỌP

Vào hồi 9h15 Bà Trần Lệ Thu – Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày 05/6/2019 của công ty là: **72.055.210** cổ phần.
- Số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội: **75** cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội là: **64.750.948** cổ phần, đạt tỷ lệ **89,86%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/06/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

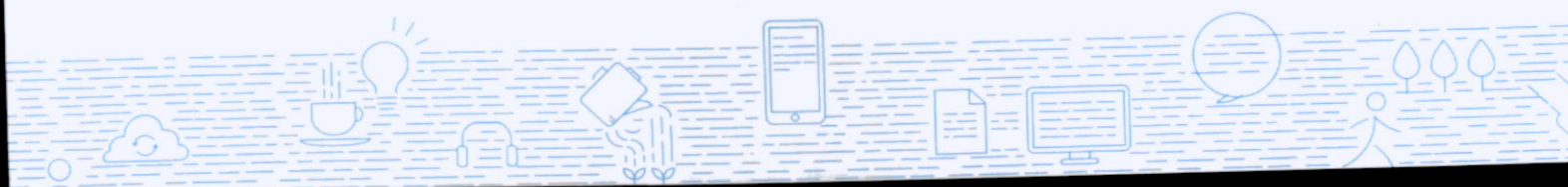
II – THÀNH PHẦN ĐIỀU HÀNH PHIÊN HỌP

Ông Nguyễn Thành Lưu thay mặt Ban tổ chức:

- Giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội:

1. Hội đồng quản trị:

- ✓ Ông Nguyễn Trung Chính – Chủ tịch HĐQT
- ✓ Ông Hoàng Ngọc Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT
- ✓ Ông Nguyễn Phước Hải



- ✓ Ông Nguyễn Kim Cương
 - ✓ Ông Tạ Hoàng Linh
 - ✓ Ông Nguyễn Minh Đức
 - ✓ Ông Trương Tuấn Lâm
 - ✓ Ông Nguyễn Danh Lam
 - ✓ Ông Lê Việt Hà
2. Ban kiểm soát:
- ✓ Bà Vũ Thị Phương Thanh – Trưởng Ban kiểm soát
 - ✓ Ông Trương Thanh Phúc
 - ✓ Ông Nguyễn Thành Nam
- Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch Đại hội, cụ thể như sau:
1. Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
 2. Ông Hoàng Ngọc Hùng – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 3. Ông Nguyễn Phước Hải – Thành viên Hội đồng Quản trị

Đại hội nhất trí thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội bằng một tràng pháo tay.

Ông Nguyễn Phước Hải, thay mặt Đoàn Chủ tịch, giới thiệu thành phần Ban thư ký đại hội gồm:

1. Bà Trần Mỹ Lê
2. Bà Lâm Ngọc Tuyết
3. Bà Đỗ Thảo Quyên

và đề cử thành phần Ban kiểm phiếu như sau:

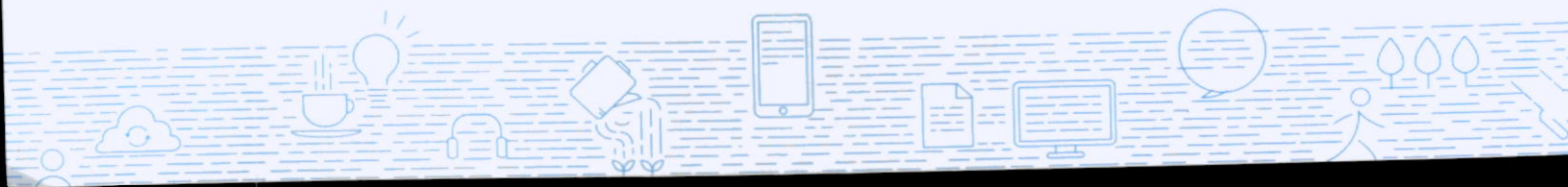
1. Bà Vũ Thị Phương Thanh – Trưởng Ban kiểm soát - Trưởng ban kiểm phiếu
2. Bà Trần Lệ Thu – Cổ đông - Thành viên
3. Bà Trịnh Đỗ Hồng Nga – Thành viên

Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm phiếu của Đại hội với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần dự họp.

III – CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP

Ông Nguyễn Phước Hải, thay mặt Đoàn Chủ tịch, công bố Quy chế làm việc và Chương trình làm việc tại Đại hội, trong đó các nội dung thảo luận tại Đại hội như sau:

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị



- Báo cáo hoạt động của Ban Điều Hành
- Báo cáo của Ban Kiểm soát
- Các tờ trình Đại hội đồng cổ đông về:
 - ✓ Tờ trình số 01 về “Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, Phân phối lợi nhuận 2018 và Kế hoạch 2019”
 - ✓ Tờ trình số 02 về “Điều chỉnh phương án phát hành cổ phần ưu đãi theo chương trình ESOP 2018”
 - ✓ Tờ trình số 03 về “Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu”
 - ✓ Tờ trình số 04 về “Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược”
 - ✓ Tờ trình số 05 về “Sửa đổi ngành nghề kinh doanh Công ty”
 - ✓ Tờ trình số 06 về “Tăng vốn Điều lệ và Sửa đổi Điều lệ công ty”
 - ✓ Tờ trình số 07 về “Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2021”.
 - ✓ Tờ trình số 08 về “Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019”

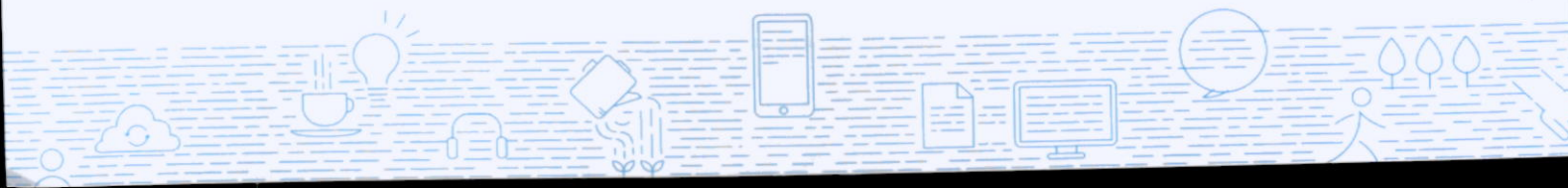
Đại hội nhất trí thông qua nội dung Quy chế làm việc và Chương trình làm việc tại Đại hội với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần dự họp.

IV – NỘI DUNG CUỘC HỌP

A – Nội dung trình bày

Đại hội đã nghe phân trình bày nội dung các Báo cáo và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Ông Lê Thanh Sơn: Báo cáo hoạt động của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 & kế hoạch hoạt động năm 2019 và Tờ trình số 01/2019/TT ĐHĐCĐ-CMC về Thông qua BCTC năm 2018, Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Ông Hoàng Ngọc Hùng: Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- Ông Nguyễn Thành Nam: Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018.
- Ông Hoàng Ngọc Hùng và Ông Nguyễn Phước Hải: Các tờ trình bao gồm:
 - ✓ Tờ trình số 02 về “Điều chỉnh phương án phát hành cổ phần ưu đãi theo chương trình ESOP 2018”
 - ✓ Tờ trình số 03 về “Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu”
 - ✓ Tờ trình số 04 về “Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược”
 - ✓ Tờ trình số 05 về “Sửa đổi ngành nghề kinh doanh Công ty”
 - ✓ Tờ trình số 06 về “Tăng vốn Điều lệ và Sửa đổi Điều lệ công ty”
 - ✓ Tờ trình số 07 về “Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2021”.



✓ Tờ trình số 08 về “Thủ lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019”

B – Đại hội thảo luận

Đại hội dành ra 30 phút để thảo luận & biểu quyết về các nội dung đã trình bày ở trên.

Đoàn chủ tịch, Ban điều hành Tập đoàn và lãnh đạo các công ty thành viên đã trả lời các câu hỏi của cổ đông về các nội dung liên quan đến: chiến lược của tập đoàn trong lĩnh vực chuyển đổi số, biên lợi nhuận của CMC; kế hoạch tham gia phát triển 5G; công tác quản trị rủi ro; chiến lược hợp tác với Samsung trong thời gian tới; tinh thần của chiến lược và mục tiêu doanh thu lợi nhuận trong 5 năm tới; kế hoạch lợi nhuận năm 2019; chương trình ESOP ...

Vào hồi 12h15, Bà Trần Lệ Thu – Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông cập nhật số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội là 88 cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội là: 64.996.223 cổ phần, đạt tỷ lệ 90,2 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

C – Kết quả biểu quyết

Nội dung 1: Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Số phiếu chấp thuận:	64.937.764 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,910%
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,000%
Số phiếu không có ý kiến:	58.459 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,090%

Nội dung 2: Báo cáo của Ban Điều Hành về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Số phiếu chấp thuận:	64.941.419 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,916 %
Số phiếu không chấp thuận:	1.000 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,002 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,083 %

Nội dung 3: Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả năm 2018

Số phiếu chấp thuận:	64.937.764 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,910 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,000 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.459 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,090 %

Nội dung 4: Tờ trình số 01/2018/TT-ĐHĐCĐ-CMC về “Thông qua BCTC năm 2018, Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch năm 2019”, trong đó

(1) **Nội dung 4.1** – Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty mẹ và hợp nhất

Số phiếu chấp thuận:	64.942.419 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,917 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,000 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,083 %



(2) Nội dung 4.2 – Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Số phiếu chấp thuận:	57.682.539 phiếu	đạt tỷ lệ:	88,748 %
Số phiếu không chấp thuận:	7.259.880 phiếu	đạt tỷ lệ:	11,170 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,083 %

(3) Nội dung 4.3 – Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Số phiếu chấp thuận:	61.307.324 phiếu	đạt tỷ lệ:	94,324 %
Số phiếu không chấp thuận:	3.630.440 phiếu	đạt tỷ lệ:	5,586 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.459 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,090 %

Nội dung 5: Tờ trình số 02/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về “Điều chỉnh phương án phát hành cổ phần ưu đãi theo chương trình ESOP”

Số phiếu chấp thuận:	57.655.166 phiếu	đạt tỷ lệ:	88,705 %
Số phiếu không chấp thuận:	7.259.880 phiếu	đạt tỷ lệ:	11,170 %
Số phiếu không có ý kiến:	81.177 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,125 %

Nội dung 6 : Tờ trình số 03/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về “Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu”.

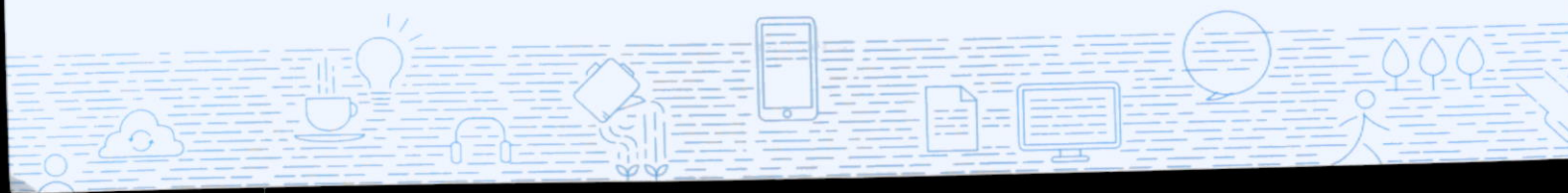
Số phiếu chấp thuận:	57.655.166 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,885 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,000 %
Số phiếu không có ý kiến:	74.927 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,115 %

Nội dung 07 : Tờ trình số 04/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về “Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược”.

Số phiếu chấp thuận:	60.705.860 phiếu	đạt tỷ lệ:	93,399 %
Số phiếu không chấp thuận:	3.630.440 phiếu	đạt tỷ lệ:	5,586 %
Số phiếu không có ý kiến:	659.923 phiếu	đạt tỷ lệ:	1,015 %

Nội dung 8 : Tờ trình số 05/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về “Sửa đổi ngành nghề kinh doanh Công ty”

Số phiếu chấp thuận:	64.942.419 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,917 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,000 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,083 %



Nội dung 9 : Tờ trình số 06/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về "Tăng vốn Điều lệ và Sửa đổi Điều lệ Công ty".

Số phiếu chấp thuận:	61.311.979 phiếu	đạt tỷ lệ:	94,332 %
Số phiếu không chấp thuận:	3.629.440 phiếu	đạt tỷ lệ:	5,584 %
Số phiếu không có ý kiến:	58.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,083 %

Nội dung 10: Tờ trình số 07/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về "Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2016 - 2021", Trong đó

(1) Nội dung 10.1 về việc Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Số phiếu chấp thuận:	64.942.419 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,917 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	%
Số phiếu không có ý kiến:	58.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,083 %

(2) Nội dung 10.2 về Danh sách ứng viên để bầu thay thế vào Hội đồng quản trị

Số phiếu chấp thuận:	64.842.419 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,763 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0%
Số phiếu không có ý kiến:	153.804 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,237%

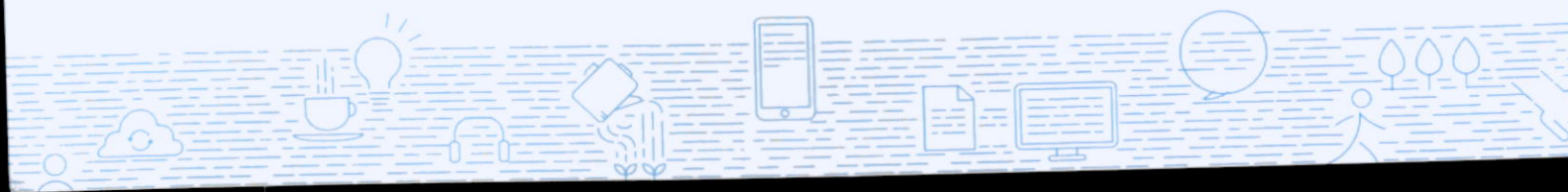
(3) Nội dung 10.3

Kết quả bầu cử thay thế thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2021:

STT	Ứng viên	Số phiếu được bầu	Tỷ lệ
1	Ông/Bà: Hà Thế Vinh	64.926.979	99,89%

Nội dung 11: Tờ trình số 08/2019/TT-ĐHĐCĐ-CMC về "Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2019"

Số phiếu chấp thuận:	64.909.283 phiếu	đạt tỷ lệ:	99,866 %
Số phiếu không chấp thuận:	0 phiếu	đạt tỷ lệ:	0 %
Số phiếu không có ý kiến:	86.940 phiếu	đạt tỷ lệ:	0,134 %

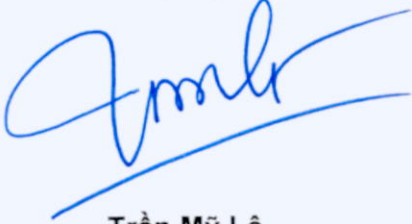


V- Thông qua Biên bản Đại hội:

Bà Trần Mỹ Lê, thay mặt Ban Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết, Đại hội đã thông qua toàn văn nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ đồng ý **100%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, Ông Nguyễn Trung Chính đã tổng kết và bế mạc Đại hội lúc 13h00 cùng ngày.

Thư ký Đại hội



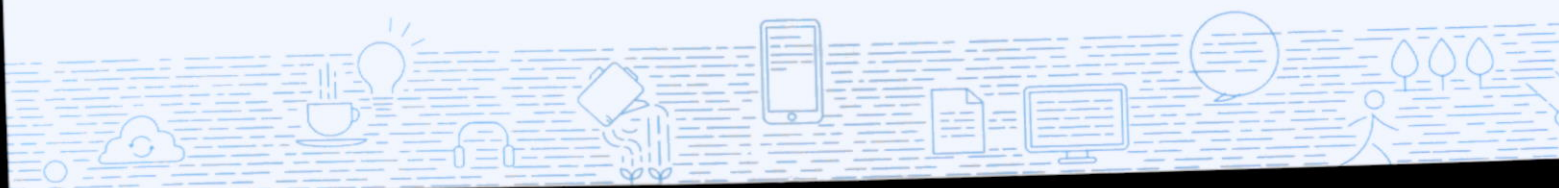
Trần Mỹ Lê

Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa



Nguyễn Trung Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 01 /2019/NQ ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ngày 26/06/2019;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 được tổ chức tại Phòng Hội Thảo Tầng 17, Tòa nhà CMC, Số 11 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội vào ngày 26/06/2019 với 88 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 64.996.223 cổ phần, đạt tỷ lệ 90,2% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 99,910 %

2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 99,916 %

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 99,910 %

4. Thông qua nội dung Tờ trình số 01/2019/TT ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, với một số nội dung chính như sau:



4.1. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 và Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

4.1.1. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

4.1.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 (Từ 01/04/2018 – 31/03/2019)	Năm 2017 (Từ 01/04/2017 – 31/03/2018)	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.185.715.375.665	4.869.842.024.391	6%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	841.111.442.477	753.419.384.179	12%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	30	247.195.415.230	203.133.201.780	22%
	<i>Trong đó Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết</i>	24	20.733.263.357	17.952.134.556	15%
4	Lợi nhuận khác	40	14.656.207.064	15.549.890.159	-6%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	261.851.622.294	218.683.091.939	20%
6a	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	47.549.485.720	39.139.402.938	21%
6b	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(49.653.240)	(442.983.805)	89%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	214.252.483.334	179.986.672.806	19%
8	Lợi ích của cổ đông thiểu số	62	54.769.176.521	46.142.214.633	19%
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61	159.483.306.813	133.844.458.173	19%

4.1.1.2. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	31/03/2019	31/03/2018	Tăng trưởng %
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.198.562.190.256	1.663.913.682.023	32%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	432.733.780.074	143.491.061.936	202%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	223.273.612.595	193.092.020.501	16%
III	Các khoản phải thu ngắn	130			22%

**CMC CORPORATION**

Khát khao chinh phục thế giới số

Trụ sở: Tầng 17, CMC Tower, 11 phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +8424. 3795 8668 | Fax: +8424. 3795 8989

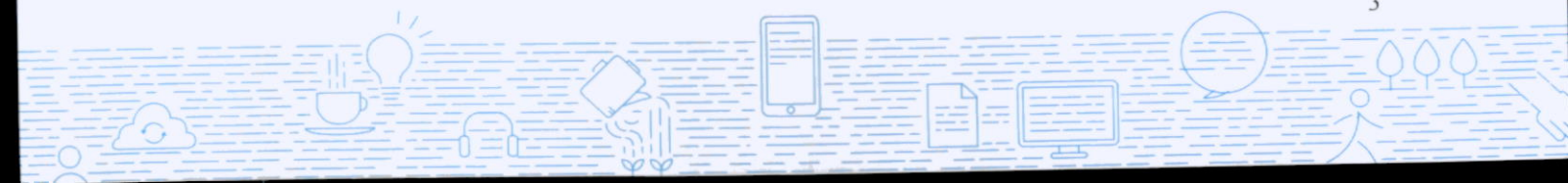
www.cmc.com.vn

Chi nhánh: 111-121 Ngô Gia Tự
Phường 2, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: +8428. 3833 0579 | Fax: +8428. 3833 0580

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	31/03/2019	31/03/2018	Tăng trường %
	hạn		1.209.652.157.070	994.916.060.113	
IV	Hàng tồn kho	140	200.237.606.967	192.684.097.017	4%
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	132.665.033.550	139.730.442.456	-5%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.510.357.168.585	1.333.714.379.617	13%
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	12.463.472.294	7.640.220.204	63%
II	Tài sản cố định	220	1.122.560.465.601	1.067.837.375.513	5%
III	Tài sản dở dang dài hạn	240	180.387.839.413	97.345.519.308	85%
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	46.954.808.087	28.308.030.413	66%
V	Tài sản dài hạn khác	260	147.990.583.190	132.583.234.179	12%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	3.708.919.358.841	2.997.628.061.640	24%
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	2.346.363.852.243	1.749.084.725.166	34%
I	Nợ ngắn hạn	310	1.709.060.892.455	1.416.021.913.453	21%
II	Nợ dài hạn	330	637.302.959.788	333.062.811.713	91%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.362.555.506.598	1.248.543.336.474	9%
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	720.552.100.000	673.419.530.000	7%
II	Thặng dư vốn cổ phần	412	34.444.340.400	34.444.340.400	0%
III	Vốn khác của chủ sở hữu	414	134.807.600.821	111.266.061.120	21%
IV	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	372.410.000	471.314.384	-21%
V	Lợi nhuận chưa phân phối	421	167.459.270.889	156.183.722.979	7%
VI	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	304.919.784.488	272.758.367.591	12%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	3.708.919.358.841	2.997.628.061.640	24%

4.2.1. Báo cáo tài chính tổng hợp (công ty mẹ) năm 2018 đã được kiểm toán như sau

4.2.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh



Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 (Từ 01/04/2018 – 31/03/2019)	Năm 2017 (Từ 01/04/2017 – 31/03/2018)	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	140.949.081.591	153.504.372.757	-8%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	55.747.912.199	44.925.078.078	24%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	30	117.898.870.519	137.908.048.172	-15%
4	Lợi nhuận khác	40	678.751.724	1.117.446.213	-39%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	118.577.622.243	139.025.494.385	-15%
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(1.424.392.870)		
7	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(57.996.340)	(57.996.340)	0%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	117.211.225.713	139.083.490.725	-16%

4.2.1.2. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	31/03/2019	31/03/2018	Tăng trưởng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	522.041.916.822	204.882.561.375	155%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	300.722.408.901	1.494.635.604	20020%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	41.000.000.000	65.000.000.000	-37%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	179.615.749.413	135.989.582.089	32%
IV	Hàng tồn kho	140	-	31.753.808	-100%
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	703.758.508	2.366.589.874	-70%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	855.845.110.766	788.327.118.684	9%
I	Phải thu dài hạn khác	216	5.000.000.000	29.426.945.000	-83%
II	Tài sản cố định	220	247.216.209.700	267.564.674.778	-8%
III	Tài sản dở dang dài hạn	240	81.927.199.279	38.462.685.438	113%
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	511.801.048.066	442.137.909.243	16%
V	Tài sản dài hạn khác	260	9.900.653.721	10.734.904.225	-8%

TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	1.377.887.027.588	993.209.680.059	39%
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	495.654.915.991	153.966.602.593	222%
I	Nợ ngắn hạn	310	139.321.734.612	128.008.484.973	9%
II	Nợ dài hạn	330	356.333.181.379	25.958.117.620	1273%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	882.232.111.597	839.243.077.466	5%
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	720.552.100.000	673.419.530.000	7%
II	Thặng dư vốn cổ phần	412	34.444.340.400	34.444.340.400	0%
III	Lợi nhuận chưa phân phối	421	127.235.671.197	131.379.207.066	-3%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	1.377.887.027.588	993.209.680.059	39%

Thông tin chi tiết. Kính đề nghị Quý vị cổ đông xem trong Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp của năm 2018 đã kiểm toán của công ty.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua báo cáo đạt: 99,917 %

4.2. Phân phối lợi nhuận năm 2018 của Công ty mẹ

Đơn vị: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2018 (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ)		117.211.225.713
2	Quỹ KTPL, thưởng HDQT và BKS năm 2018 (*)		(20.348.629.182)
	Trong đó:		
	- Trích quỹ KHCN	-10%	(11.721.122.571)
	- Trích quỹ KTPL	-6%	(7.032.673.543)
	- Trích quỹ thưởng HDQT và BKS	-1%	(1.594.833.068)
3	Lợi nhuận năm 2018 sau khi trích lập các quỹ (3) = (1) + (2)		96.862.596.531
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ sau khi trích lập các quỹ		30.373.074.666
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/03/2019 sau khi trích lập các quỹ (5) = (3) + (4)		127.235.671.197
6	Số lượng cổ phần tại ngày 31/03/2019		72.055.210
7	Đề xuất cổ tức	15%	108.082.815.000
	Cổ tức bằng tiền mặt	15%	108.082.815.000

(*) Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/07/2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như trên và chia cổ tức cho cổ đông năm 2018 như sau:

- ✓ Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018: **15%**
- ✓ Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt.

Uy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và triển khai các thủ tục chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận đạt: 88,748 %

4.3. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 tại Báo cáo Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua kế hoạch doanh thu - lợi nhuận năm 2019 như sau:

4.3.1. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận hợp nhất năm 2019 của Tập đoàn:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2019 (dự kiến)	Năm 2018	Tăng trưởng
1	Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ doanh thu các công ty liên kết và nội bộ)	6.188.271	5.185.715	19.3%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	313.328	261.851	19.6%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	185.461	159.483	16.3%

4.3.2. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2019 của công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2019 (dự kiến)	Năm 2018 (**)	Tăng trưởng
1	Doanh thu thuần	108.396	104.664	4%
2	Lợi nhuận trước thuế	118.246	118.577	-0.3%
3	Lợi nhuận sau thuế	117.431	117.211	0.2%

(**) Để tương ứng với kế hoạch 2019, doanh thu thuần thực hiện năm 2018 được lấy theo số liệu quản trị. Do vậy có sự khác biệt so với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp 2018 đã kiểm toán.

4.3.3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2019 (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ)		117.431
2	Quỹ KTPL, thưởng HĐQT và BKS năm 2019		(20.644)
	Trong đó:		
	- Trích quỹ KHCN	-10%	(11.743)
	- Trích quỹ KTPL	-6%	(7.046)
	- Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS (***)	-1%	(1.855)
3	Lợi nhuận năm 2019 sau khi trích lập các quỹ (3) = (1) + (2)		96.788
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ sau khi trích lập các quỹ		19.153
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/03/2020 sau khi trích lập các quỹ (5) = (3) + (4)		115.941
6	Số lượng cổ phần dự kiến lưu hành tại ngày 31/03/2020		100.000.826
7	Đề xuất cổ tức	11.00%	110.000

(***) Quỹ thưởng HĐQT và BKS năm 2019 tạm trích 1% từ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông Công ty Mẹ.

Hội đồng Quản trị công ty đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty xây dựng phương án chi trả cổ tức và tạm ứng cổ tức (nếu có) của năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua kế hoạch đạt: **94,324 %**

5. Thông qua nội dung Tờ trình số 02/2019/TT ĐHĐCĐ về Điều chỉnh phương án phát hành cổ phần ưu đãi theo chương trình ESOP 2018, theo đó tăng số lượng cổ phần dự kiến phát hành từ 3.360.000 cổ phần (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn cổ phần) lên 3.600.000 cổ phần (Ba triệu sáu trăm nghìn cổ phần), phương án chi tiết như sau:

5.1. Phương án phát hành

5.1.1. Số lượng và lộ trình phát hành

- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 3.600.000 cổ phần (Ba triệu sáu trăm nghìn cổ phần) tương đương 4,996% tổng số cổ phần đang lưu hành.
- Mệnh giá: 10.000 đồng.
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: 36.000.000.000 đồng.
- Loại cổ phần: cổ phần ưu đãi nhân viên.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vào vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của CMC.
- Thời hạn của chương trình: từ tháng 7/2019 đến hết tháng 12/2022 hoặc đến khi phát hành hết toàn bộ số cổ phần dự kiến nêu trên tùy thuộc thời điểm nào đến trước.
- Lộ trình phát hành dự kiến: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm phát hành, tỷ lệ phát hành, thời gian hạn chế chuyển nhượng và số cổ phần phát hành cụ thể của Chương trình trong từng năm.

5.1.2. Đối tượng phát hành:

Cán bộ chủ chốt của Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty thành viên đáp ứng tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị CMC quyết định, được giao các mục tiêu công việc đến hết năm tài chính 2021.

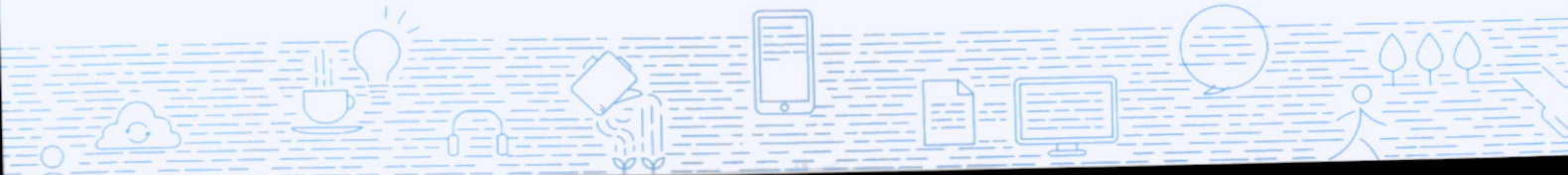
5.1.3 Lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu:

Căn cứ vào số cổ phần phát hành trong từng năm của Chương trình theo quyết định của Hội đồng quản trị, đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành này tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

5.2. Ủy quyền thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện các nội dung sau:

- 5.2.1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai toàn bộ Chương trình lựa chọn cho cán bộ chủ chốt, bao gồm nhưng không hạn chế những nội dung sau: Thành lập Ban điều hành ESOP; xây dựng quy chế hoạt động ESOP; quyết định đối tượng được tham gia chương trình; quyết định tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành theo



Chương trình từng năm; quyết định thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần phát hành theo Chương trình; quyết định, xử lý các vấn đề liên quan đến ESOP và điều chỉnh những thay đổi của chương trình ESOP (nếu có) cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

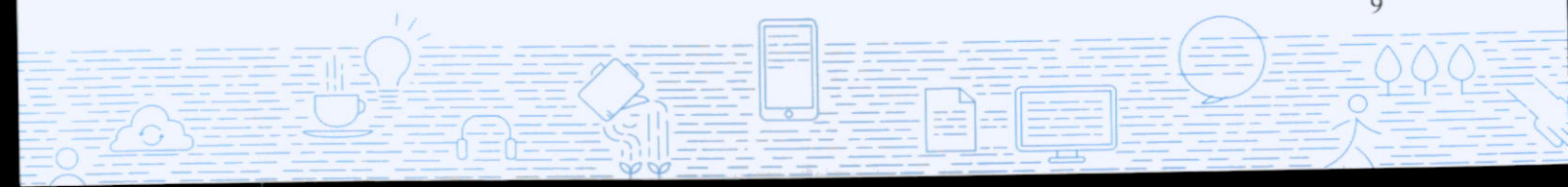
- 5.2.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phần theo Chương trình với các cơ quan liên quan; thực hiện các công việc cần thiết để lưu ký và niêm yết bổ sung cũng như giải tỏa hạn chế chuyển nhượng những cổ phần này tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan quản lý liên quan (nếu có).
- 5.2.3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi các quy định của Điều lệ công ty về Vốn Điều lệ và số cổ phần được quyền chào bán căn cứ vào số lượng cổ phần được phát hành cụ thể cho Chương trình từng năm.
- 5.2.4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty tiến hành thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp căn cứ vào số lượng cổ phần được phát hành cụ thể cho Chương trình từng năm.
- 5.2.5. Ủy quyền cho HĐQT ban hành toàn bộ các văn bản, tài liệu khác (nếu có) theo yêu cầu của các cơ quan quản lý có liên quan để triển khai Chương trình này.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua Tờ trình đạt: 88,705 %

6. Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2019/ TT ĐHCĐ về Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với nội dung như sau:

6.1. Phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phần thưởng)

- 6.1.1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
- 6.1.2. Loại cổ phần : cổ phần phổ thông
- 6.1.3. Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- 6.1.4. Tổng số cổ phần đã phát hành : 72.055.210 cổ phần
- 6.1.5. Số lượng cổ phần đang lưu hành : 72.055.210 cổ phần



- 6.1.6. Số lượng cổ phần quỹ : 0 cổ phần
- 6.1.7. Tỷ lệ phát hành cổ phần : 4,088%
- 6.1.8. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để nhận cổ phần thưởng
- 6.1.9. Số lượng cổ phần phát hành : tối đa 2.945.616 cổ phần
- 6.1.10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : tối đa 29.456.160.000 đồng
- 6.1.11. Nguồn vốn phát hành : từ nguồn thặng dư vốn cổ phần căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018.
- 6.1.12. Phương án sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh
- 6.1.13. Phương án xử lý cổ phần lẻ : cổ phần thưởng phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ
- VD: Cổ đông sở hữu 10.000 cổ phần sẽ được nhận thưởng 408,8 cổ phần, trong đó số cổ phần lẻ sau dấu thập phân (0,8) sẽ bị hủy bỏ => tổng số cổ phần cổ đông đó được nhận là 408 cổ phần.
- 6.1.14. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phần thưởng không bị hạn chế chuyển nhượng. Quyền nhận cổ phần thưởng không được phép chuyển nhượng
- 6.1.15. Thời gian thực hiện : Trong Quý II, III năm tài chính 2019, sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước

6.2. Ủy quyền thực hiện

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc sau:

- 6.2.1. Quyết định thời gian phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông.



- 6.2.2. Tiến hành các thủ tục và ban hành các văn bản cần thiết để phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có liên quan.
- 6.2.3. Xác định chính xác tổng số cổ phần phát hành sau khi chốt danh sách cổ đông chi trả cổ phiếu thường, báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 6.2.4. Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phần thường cho cổ đông hiện hữu nêu trên tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 6.2.5. Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và ban hành các văn bản, tài liệu cần thiết để thực hiện các thủ tục nêu trên.
- 6.2.6. Sửa đổi bổ sung khoản 1 Phụ lục 1 Điều lệ Công ty (tăng vốn điều lệ và số cổ phần đã phát hành) sau khi hoàn tất các thủ tục phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua Tờ trình đạt: **99,885 %**

7. Thông qua nội dung Tờ trình số 04/2019/ TT ĐHĐCĐ về Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài

7.1. Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ

- 7.1.1. Tên cổ phần : Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
- Mã chứng khoán : CMG
- 7.1.2. Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- 7.1.3. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- 7.1.4. Phương thức chào bán : Chào bán riêng lẻ
- 7.1.5. Mục đích chào bán : Phát hành cho cổ đông chiến lược để cùng hợp tác phát triển Công ty.
- 7.1.6. Số lượng cổ phần dự kiến chào bán : 25.000.000 cổ phần



- 7.1.7. Tổng giá trị cổ phần chào bán (theo mệnh giá) : 250.000.000.000 đồng
- 7.1.8. Giá chào bán : Không thấp hơn 30.000 đồng/cổ phần (ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán trên cơ sở đàm phán với Nhà đầu tư)
- 7.1.9. Phương án sử dụng vốn : Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán riêng lẻ dự kiến dự kiến khoảng 750.000.000.000 VNĐ được sử dụng để:
- Đầu tư cho công ty thành viên (hiện tại và/hoặc mới): 450.000.000.000 VNĐ;
 - Đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 300.000.000.000 VNĐ
- (Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thay đổi phương án sử dụng vốn cho phù hợp với thực tế nhu cầu và số tiền thu được từ đợt chào bán, nếu cần thiết và đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật)
- 7.1.10. Đối tượng chào bán (Nhà đầu tư) : Samsung SDS Co. Ltd (hoặc Samsung SDS Asia Pacific Pte. Ltd, là một công ty con do Samsung SDS sở hữu trực tiếp toàn bộ vốn điều lệ).
- 7.1.11. Tỷ lệ pha loãng dự kiến : Trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BVPS (Book Value Per Share); và (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- 7.1.12. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phần mới phát hành trong đợt chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong 05 (năm) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- 7.1.13. Thời gian dự kiến phát hành : Trong Quý II, III năm tài chính 2019 sau khi được Ủy ban chứng khoán và các cơ quan quản lý có thẩm

quyền (nếu có) chấp thuận

7.1.14. Từ bỏ quyền ưu tiên : Cổ đông của Công ty đồng ý từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần hoặc các quyền tương tự (theo quy định tại Luật Việt Nam hoặc Điều lệ Công ty được áp dụng tại thời điểm của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án này) liên quan đến đợt phát hành riêng lẻ của phương án này.

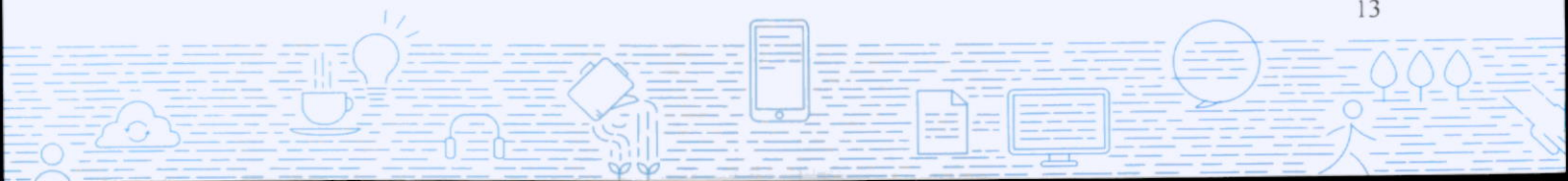
7.1.15. Đăng ký và Niêm yết cổ phiếu phát hành thêm : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo đúng quy định của pháp luật

7.2. Ủy quyền thực hiện

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ và thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến việc chào bán cổ phần riêng lẻ, bao gồm nhưng không hạn chế như sau:

7.2.1. Lập và triển khai phương án chào bán chi tiết:

- i. Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp;
- ii. Thực hiện các thủ tục cần thiết để giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (nếu cần) để đảm bảo thành công cho đợt phát hành;
- iii. Triển khai phương án chào bán chi tiết bao gồm:
 - Quyết định lựa chọn đối tượng chào bán cụ thể được nêu tại khoản 7.1.10 ở trên;
 - Quyết định khối lượng cổ phần chào bán cụ thể và giá chào bán cổ phần trên cơ sở đàm phán với Nhà đầu tư, nhưng trong mọi trường hợp số lượng cổ phần phát hành không vượt quá 25.000.000 cổ phần và giá chào bán không thấp hơn 30.000 đồng/cổ phần;
 - Quyết định các điều kiện, điều khoản, hợp đồng giao dịch liên quan đến việc phát hành (bao gồm Hợp đồng mua bán cổ phần và Thỏa thuận liên quan khác) nhằm đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty;



- Lập, thay đổi phương án chi tiết sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán đảm bảo lợi ích cổ đông và Công ty theo đúng quy định pháp luật; Trong trường hợp số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán lớn hơn 750.000.000.000 VNĐ, căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty và các công ty thành viên, Hội đồng quản trị quyết định cân đối, điều chỉnh và phân bổ phần vượt quá cho mục đích sử dụng vốn nêu tại mục 7.1.9 ở trên.
 - Xây dựng và phê duyệt các hồ sơ chào bán cổ phần cho Nhà đầu tư;
- iv. Thực hiện các thủ tục để hoàn thành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện và hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật.
- 7.3.2. Thông qua kết quả phát hành, báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật
- 7.3.3. Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký lưu ký bổ sung cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết cổ phần phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 7.3.4. Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt chào bán tăng vốn với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 7.3.5. Sửa đổi Khoản 1 Phụ lục 1 Điều lệ Công ty (tăng vốn điều lệ và tổng số cổ phần đã phát hành) sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần riêng lẻ theo phương án nêu trên và sửa đổi quy định về ngành nghề kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đáp ứng điều kiện chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).
- 7.3.6. Để thuận tiện trong quá trình triển khai phương án phát hành, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc toàn bộ các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền nêu trên.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua Tờ trình đạt: **93,339 %**

8. Thông qua nội dung Tờ trình số 05/2019/ TT ĐHĐCĐ về Sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty

8.1. Sửa đổi ngành nghề kinh doanh

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh hiện tại	Tên ngành nghề kinh doanh sau sửa đổi
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)
6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm truyền thông; Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin; Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm truyền thông; Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ an toàn thông tin (trừ kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự); Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.
5820	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung; Xuất bản phần mềm; Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu; Gia công và xuất khẩu phần mềm	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung Xuất bản phần mềm, Dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, Gia công và xuất khẩu phần mềm (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)

8.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh nêu trên nếu có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện việc đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua Tờ trình đạt: **99,917 %**

9. Thông qua nội dung Tờ trình số 06/2019/ TT ĐHĐCĐ về Tăng vốn Điều lệ và Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty

9.1. Tăng vốn điều lệ:

Căn cứ vào việc Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và Chào bán cổ phần riêng lẻ, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc tăng vốn Điều lệ của công ty trong năm 2019 như sau:

9.1.1. Tăng vốn Điều lệ của công ty đợt 1 năm 2019 từ 720.550.210.000 đồng lên tối đa 750.008.260.000 đồng. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt số vốn Điều lệ chính xác sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

9.1.2. Tăng vốn Điều lệ của công ty đợt 2 năm 2019 lên tối đa 1.000.008.260.000 đồng sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt số vốn Điều lệ chính xác sau khi hoàn tất đợt phát hành.

9.2. Sửa đổi Điều lệ: Chi tiết nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty được thể hiện tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua Tờ trình đạt: **94,332 %**

10. Thông qua nội dung Tờ trình số 07/2019/TT ĐHĐCĐ về miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ III (2016 -2021) với một số nội dung chính như sau:

10.1. Phê duyệt việc từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị là Ông Hoàng Ngọc Hùng kể từ ngày 26/06/2019.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: **99,917 %**

10.2. Phê duyệt Danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị để bầu thay thế cho thành viên từ nhiệm.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt: **99,763 %**



10.3. Kết quả trúng cử vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2016-2021

STT	Ứng viên	Số phiếu được bầu	Tỷ lệ
1	Ông/Bà: Hà Thế Vinh	64,926,979	99.89%

Ghi chú: Nhiệm kỳ của thành viên được bầu là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2021 .

11. Thông qua nội dung Tờ trình số 08/2019/ TT ĐHQĐ về Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019

11.1. Thù lao cố định

Chức vụ	Mức thù lao/người/tháng (VND) Đã bao gồm thuế TNCN 10%
Chủ tịch HĐQT	9.900.000
Phó Chủ tịch HĐQT	8.300.000
Thành viên HĐQT	6.600.000
Trưởng Ban kiểm soát	8.300.000
Thành viên BKS	5.000.000

Mức thù lao trên không bao gồm:

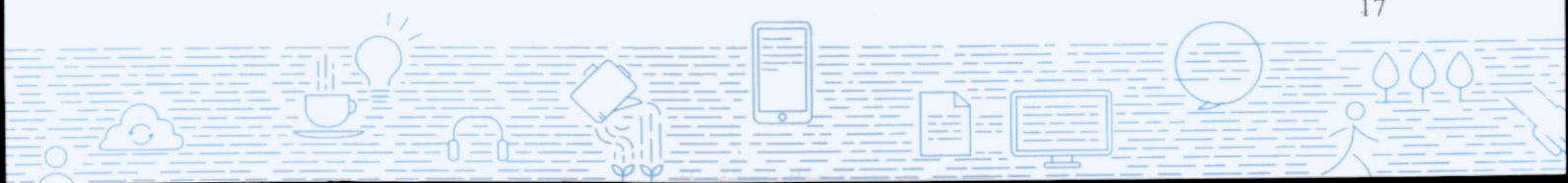
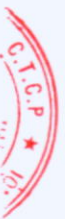
- Tiền lương trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát là người lao động trong công ty hoặc thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tại công ty.
- Các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà các thành viên HĐQT & BKS đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT & BKS của mình.

11.2. Thưởng:

Ngoài mức thù lao cố định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- Thưởng 1% lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc về cổ đông công ty mẹ cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu lợi nhuận hợp nhất sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt từ 90% đến 100% kế hoạch.
- Thưởng 3% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc về cổ đông công ty mẹ vượt mức cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu lợi nhuận hợp nhất sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ vượt kế hoạch.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua Tờ trình đạt: **99,866 %**



12. Giao cho Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai thực hiện các quyết nghị trên với mục tiêu hoàn thành các kế hoạch đã đề ra, đảm bảo lợi ích của công ty và các cổ đông.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

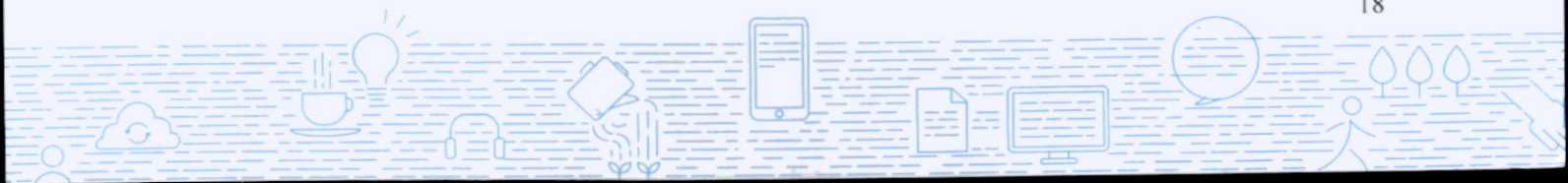
Nơi nhận

- Cổ đông công ty
- Hội đồng Quản trị
- Ban kiểm soát Công ty
- Ban điều hành Công ty
- Các cơ quan có thẩm quyền (để báo cáo)
- Lưu VP HĐQT



Chủ tọa

Nguyễn Trung Chính





PHỤ LỤC

Kèm theo Nghị quyết số 01 /2019/NQ – ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2019

STT	Điều khoản	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi
1	Điều 2 khoản 4	Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.	Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của công ty. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc với vai trò Người đại diện theo pháp luật của công ty sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định trong từng thời kỳ.
2	Điều 3 khoản 1	Ngành nghề kinh doanh của công ty	Sửa đổi 3 mã ngành nghề kinh doanh: 4610, 6190, 5280 theo Tờ trình số 05/2019/TT-ĐHĐCĐ
3	Điều 25 khoản 2 điểm o	Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của pháp luật.	Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của pháp luật.

4	Điều 25 khoản 3 điểm o	Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá hai mươi (20) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam;
5	Điều 26	Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT Không quy định	Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT Bổ sung khoản 5 như sau 5. Chủ tịch HĐQT được thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo sự phân công và quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.
6	Điều 30 khoản 3 điểm b	Tổng giám đốc b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất	Tổng giám đốc b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và/hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất
7	Phụ lục 1	1. Vốn điều lệ của công ty: 720.055.210.000 VND Số cổ phần tương ứng: 72.055.210 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 (Mười nghìn) VND	Vốn điều lệ và số cổ phần của công ty: sẽ được Hội đồng quản trị cập nhật sau khi công ty hoàn tất các thủ tục: (1) phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn; (2) phát hành cổ phiếu riêng lẻ Mệnh giá cổ phần: 10.000 (Mười nghìn) VND



8	<p>2. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.360.000 cổ phần</p> <p>Thời hạn phát hành: từ tháng 7/2018 đến hết tháng 12/2021 hoặc đến khi phát hành hết toàn bộ số cổ phần dự kiến theo Chương trình ESOP 2018 tùy thuộc thời điểm nào đến trước.</p>	<p>2. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.600.000 cổ phần</p> <p>Thời hạn phát hành: từ tháng 7/2019 đến hết tháng 12/2022 hoặc đến khi phát hành hết toàn bộ số cổ phần dự kiến theo Chương trình ESOP 2019 tùy thuộc thời điểm nào đến trước.</p>
---	---	---